TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Hoài.**
2. Bà **Trần Thị Lâm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Hà Thị Bích H** - Sinh năm: 1976.
Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12
Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Hôm nay có mặt.

2. ***Bị đơn****:* Anh **Lê Quang S** - Sinh năm: 1971.
Nghề nghiệp: Làm nghề xây dựng; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 07/10.
Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Hôm nay có mặt.

\

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01-10-2020 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Hà Thị Bích H trình bày: Chị H và anh Lê Quang S trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Có đăng ký kết hôn vào ngày 21-02-2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tam D, tỉnh V. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 07 năm 2020, vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, tuy sống chung trong một gia đình, việc ai người đó làm, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 07-2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang S để mỗi

người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H có hai con chung là cháu Lê Hà D - Sinh ngày: 21-5-2002 và cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014. Các cháu đang ở với vợ chồng tại Tổ 16, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Hiện nay cháu Lê Hà D - Sinh ngày: 21-5-2002 đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014 khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quang S trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 24-11-2020, ngày 01-12-2020 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải có nội dung: Anh S và chị Hà Thị Bích H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Có đăng ký kết hôn vào ngày 21-02-2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh V. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 07 năm 2020 vợ, chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình anh có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, chị H không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ, chồng anh đã sống ly thân nhau từ tháng 07-2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh hoàn toàn nhất trí để mỗi người có một cuộc sống riêng

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lê Hà D - Sinh ngày: 21-5-2002 và cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014. Các cháu đang ở với vợ chồng tại Tổ 16, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Hiện nay cháu Lê Hà D - Sinh ngày: 21-5-2002 đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014 khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh S, chị Hường tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Sơn; Về con chung chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh S giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn với chị H; Về con chung anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Hà Thị Bích H đối với anh Lê Quang S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Bích H và anh Lê Quang S ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014 cho chị Hà Thị Bích H. Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 22-01-2021.

Anh Lê Quang S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh S không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Hà Thị Bích H về việc xin ly hôn với anh Lê Quang S được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định từ cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Bích H và anh Lê Quang S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 21-02-2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh V, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 07-2020 vợ, chồng chị H, anh S phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận. Mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị H có đơn xin ly hôn với anh S. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh Sơn có hai con chung là cháu Lê Hà D - Sinh ngày: 21-5-2002 và cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014

[4] Xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của cháu L xin được ở với mẹ là chị H và phù hợp nguyện vọng của chị H mong muốn được nuôi cháu L. Do vậy Tòa án cần giao cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014 cho chị Hà Thị Bích H. Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 22-01-2021 là phù hợp với thực tế, vì chị H có công việc, thu nhập ổn định sẽ bảo đảm được cuộc sống học tập cho cháu L.

[5] Anh Lê Quang S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[6] Tòa án xét thấy nguyện vọng của anh S xin nhận nuôi cháu L, nhưng cháu L có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị H, do vậy không có cơ sở để chấp nhận quan điểm của anh S.

[7] Cháu Lê Hà D - Sinh ngày: 21-5-2002 đã trưởng thành các bên đương sự không đề cập giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[8] Theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh S không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Bích H và anh Lê Quang S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Hà Thị Bích H đối với anh Lê Quang S.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị Bích H và anh Lê Quang S ly hôn.

3. *Về con chung*: Giao cháu Lê Văn L - Sinh ngày: 10-10-2014 cho chị Hà Thị Bích H - Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lê Văn L trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 21-01-2021.

Anh Lê Quang S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. *Về án phí:* Chị Hà Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01555 ngày 02 tháng 11 năm 2020 (Chị H đã nộp đủ án phí)

5. *Quyền kháng cáo*: Báo cho chị H, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-01-2021)

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện V;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã Đ, huyện T, tỉnh V;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Anh Luyện